TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 8** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc**

Bản án số: 281/2026/DS-ST
Ngày: 27-02-2026
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 8 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Thống

- Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Kim Liên
2. Bà Nguyễn Thị Tịnh Tâm

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 8 – Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Hồ Thị Hiền – Kiểm sát viên.

- Thư ký ghi biên bản phiên Tòa: Ông Nguyễn Hữu N, cán bộ Tòa án nhân dân khu vực 8 – Thành phố Hồ Chí Minh.

Ngày 27/02/2026 tại Phòng xử án Tòa án nhân dân khu vực 8 – Thành phố Hồ Chí Minh, tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 1181/2024/TLST-DS ngày 18/12/2024 về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 891/2025/QĐXXST-DS ngày 31/12/2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 68/2026/QĐST-DS ngày 30/01/2026 giữa:

- Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP Q

Địa chỉ: Tầng A (tầng trệt) và tầng 2 Tòa nhà S, A P, phường S (phường B, Quận A cũ), Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền: Phạm Xuân T theo văn bản ủy quyền số 031351.26 ngày 28/01/2026 (có mặt).

- Bị đơn: Ông Nguyễn Văn L, sinh năm 1986, Căn cước công dân số 079086020596

Địa chỉ: D ấp Đ, xã B (xã B, huyện H cũ), Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn: Luật sư Nguyễn Kiếm K, Công ty L1.

Địa chỉ: I Đường số F Khu dân cư C, phường G (phường A, quận G cũ), Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện của Ngân hàng TMCP Q, sau đây gọi tắt là Ngân hàng Q cùng với lời khai của ông Nông Văn T1, bà Nguyễn Kim N1 và ông Phạm Xuân T là đại diện theo ủy quyền, tại hồ sơ thì nội dung vụ án như sau:

Ngân hàng Q đã cấp tín dụng cho ông Nguyễn Văn L, chi tiết như sau: Hợp đồng tín dụng số 1246803.23 ngày 22/12/2023: Số tiền giải ngân: 888.000.000 đồng, mục đích giải ngân là vay mua xe Ford Ranger, biển số 51D-944.61 để tiêu dùng, thời hạn vay là 72 tháng kể từ ngày 28/12/2023 đến ngày 27/12/2029. Lãi suất tại thời điểm giải ngân là 10%/năm. Đây là lãi suất ưu đãi và chỉ được áp dụng trong 12 tháng đầu tiên kể từ ngày giải ngân khoản tín dụng. Hết thời hạn ưu đãi, lãi suất sẽ được điều chỉnh 3 tháng một lần, bằng lãi suất cơ sở theo từng sản phẩm trong kỳ tại từng thời điểm, cộng biên độ 3,9%/năm, không thời gian ân hạn, trả hàng tháng vào ngày 30, số tiền mỗi kỳ là 12.333.000 đồng, kỳ cuối cùng thanh toán số tiền còn lại, kỳ trả nợ đầu tiên là ngày 30/01/2024, trả phí theo quy định của Ngân hàng Q từng thời kỳ, lãi quá hạn bằng 150% lãi trong hạn.

Ngày 27/12/2023, Ngân hàng Q đã giải ngân cho ông Nguyễn Văn L theo đơn đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số 4892730.23 ký ngày 27/12/2023 với số tiền 888.000.000 đồng đúng theo yêu cầu của khách hàng và phù hợp với hợp đồng tín dụng.

Căn cứ đề nghị phát hành thẻ ngày 27/12/2023, Ngân hàng Q đồng ý cấp thẻ tín dụng cho ông Nguyễn Văn L, chi tiết như sau: Số thẻ 513892*****5713, hạn mức 80.000.000 đồng, lãi suất và phí theo bản thỏa thuận về điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng Q chuyển tiền vào số tài khoản C700004238731 của ông L.

Khoản vay có tài sản thế chấp là xe ô tô nhãn hiệu Ford, số loại Ranger, màu sơn trắng, biển kiểm soát 51D-944.61, giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 50001042 do Công an huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 27/12/2023. Tài sản này được thế chấp tại Ngân hàng Q theo hợp đồng thế chấp phương tiện vận tải số 4001989.23 ngày 22/12/2023. Tuy nhiên, Ngân hàng Q không yêu cầu giải quyết đối với tài sản này.

Quá trình thực hiện hợp đồng, ông Nguyễn Văn L đã vi phạm nội dung thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng, hợp đồng thế chấp đã ký, khoản vay đã quá hạn thanh toán từ ngày 29/02/2024 và đang xếp loại nợ nhóm 5 là nợ xấu theo quy định tại Điều 10 Thông tư số 31/2024/TT-NHNN ngày 30/6/2024 của Ngân hàng N2

Tạm tính đến ngày 28/11/2025, ông Nguyễn Văn L đã thanh toán cho Ngân hàng Q số tiền 20.361.493 đồng (trong đó: 12.333.000 đồng tiền gốc và 8.028.493 đồng tiền lãi) và còn nợ Ngân hàng Q số tiền là 1.353.750.654 đồng bao gồm:

- Hợp đồng tín dụng số: 1246803.23 ngày 22/12/2023, trong đó nợ gốc là 875.667.000 đồng, nợ lãi trong hạn là 40.622.336 đồng, nợ lãi quá hạn là 296.398.541 đồng. Tổng cộng là 1.212.687.877 đồng.

- Hợp đồng phát hành thẻ tín dụng số 513892*****5713, trong đó nợ gốc là 78.040.000 đồng, nợ lãi quá hạn là 32.939.997 đồng, phí thẻ là 30.082.780. Tổng cộng là 141.062.777 đồng.

Buộc ông Nguyễn Văn L trả ngay cho Ngân hàng Q số tiền tạm tính đến ngày 28/11/2025 là 1.353.750.654 đồng và tiếp tục tính lãi, lãi quá hạn kể từ ngày 29/11/2025 cho đến khi ông Nguyễn Văn L thanh toán xong toàn bộ khoản nợ theo quy định tại hợp đồng tín dụng, khế ước nhận nợ đã ký, đơn mở thẻ đã ký.

Bị đơn: Ông Nguyễn Văn L trình bày vào thời điểm đầu tháng 8 năm 2023, qua quen biết trước đó nên bà Võ Thái V có mời ông L góp vốn chung để làm ăn, cụ thể là nhập sầu riêng vào các siêu thị để bán (theo lời chỉ dẫn của bà V nói lúc đó công việc của bà V là nhập các sản phẩm tiêu dùng vào siêu thị để bán, trong đó có mặt hàng sầu riêng).

Vì tin tưởng theo lời dụ dỗ của bà V sẽ chia lợi nhuận cho ông L nên ông L đã chuyển cho bà V tổng cộng 24 lần từ ngày 09/8/2023 đến ngày 30/9/2023 với tổng số tiền là 355.850.000 đồng. Sau đó, ông L tìm hiểu và được biết bà V không có kinh doanh gì liên quan đến sầu riêng cả và ông L đã nhiều lần yêu cầu bà V trả lại tiền mà ông L đã đóng cho bà V, nhưng cho đến nay bà V không đưa lại tiền lời như đã hứa và cũng không hoàn trả số tiền cho ông L.

Sau đó, bà V nói với ông L có một người tên Nguyễn Hải A sinhna8m 1985 ở N, Hà Nội số điện thoại 0334914889 và sô tài khoản 0983564518888 Ngân hàng Quận Đội là em họ của ông H muốn thuê xe tháng để kinh doanh. Ông L vì tin tưởng bà V nên đã đồng ý mua xe qua Ngân hàng và bà V sẽ chịu trách nhiệm lấy tiền cho thuê xe để góp cho Ngân hàng hàng tháng. Bà V giới thiệu cho ông L một người đàn ông khác làm bên Công ty Cổ phần Ô để hoàn tất thủ tục mua xe.

Ngày 20/12/2023, ông L có chuyển tiền đặt cọc xe là 20.000.000 đồng cho Công ty Cổ phần Ô. Ngày 22/12/2023 bà V giới thiệu một người khác tên là T2 (có tài khoản zalo tên Nguyễn T2 và số điện thoại 0967489426) làm bên hồ sơ vay vốn ngân hàng và người này đưa tôi lên ngân hàng Q tại địa chỉ S, A, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh để ký hợp đồng tín dụng số 1246803.23 và hợp đồng thế chấp số 4001989.23 để thế chấp 01 chiếc xe ô tô nhãn hiệu Ford số loại Ranger biển kiểm soát 51D-94461, giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 50001042 do Công an huyện H cấp ngày 27/12/2023 theo hợp đồng thế chấp vận tải số 4001989.23 ngày 22/12/2023.

Tính đến ngày 02/10/2024 dư nợ tại Ngân hàng này là 1.071.192.752 đồng. Ngày 04/01/2024 theo sự hướng dẫn của bà V tôi tiếp tục ký hợp đồng vay số LN2401021420150 tại Ngân hàng TMCP V1 – Chi nhánh S và thế chấp chiếc xe ô tô nhãn hiệu Ford số loại Ranger biển kiểm soát 51D-82458.

Tính đến ngày 31/10/2024 dư nợ vay tại Ngân hàng này là 1.124.890.345 đồng. Tổng của hai hợp đồng là 2.196.083.097 đồng. Và cả hai lần ông L bàn giao cả 2 xe cho bà Nguyễn Hải A sinh năm 1985 ở N, Hà Nội (số điện thoại 0334914889) lần 1 tại địa chỉ Lô B, đường C, khu công nghiệp C, phường T, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh và lần 2 tại Công ty C 218 Quốc lộ A, phường H, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà V kêu ông L ký một hợp đồng cho thuê xe không có nội dung bên thuê xe là ai, đề bà V tiện cho thuê để lấy tiền góp cho Ngân hàng.

Đến khi ông L nhận được thông báo triệu tập của Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn số 320/GTT ngày 17/12/2024 thì ông L mới biết là đã bị bà V đã cấu kết với một

số đối tượng để lừa đảo chiếm đoạt tài sản của ông L (ông L luôn tin theo lời của bà V vì bà nói có chồng là ông Lê Bảo T3 công tác trong ngành công an và cha làm Viện kiểm sát). Ông L có yêu cầu bà V liên hệ ông H và ông T2 và bà Hải A mà bà đã giới thiệu trả lại xe ô tô của ông L để giao cho Ngân hàng phát mãi thu hồi lại khoản nợ nhưng bà V cứ hứa hẹn nhiều lần sẽ giải quyết và nhiều lần né tránh, tìm mọi cách để gian dối để nói là sẽ giải quyết. Đến nay chẳng những không giải quyết gì mà 2 chiếc ô tô cũng biến mất từ lâu cho đến nay ông L không biết đang ở đâu.

Ngày 20/02/2025 ông L đến cơ quan cảnh sát điều tra Công an Thành phố H tố cáo hành vi lừa đảo của bà V cấu kết với các đối tượng nêu trên chiếm đoạt tài sản của ông L và nhận được biên nhận để xem xét giải quyết của Cơ quan cảnh sát điều tra. Bằng bản tự khai này, ông L kính đề nghị quý tòa xem xét và giải quyết những vấn đề sau đây: Đưa những người sau đây tham gia với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Võ Thái V, sinh năm 1987, CCCD số 079187000500, hộ khẩu thường trú: Tổ A, ấp C, xã X, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh, số điện thoại 0909327031; Nguyễn T2 và số điện thoại 0967489426 (người kết môi giới vay ngân hàng); Nguyễn Hải A sinh năm 1985 ở N, Hà Nội số điện thoại 0334914889; đề nghị Ngân hàng không tính thêm lãi suất đến khi cơ quan tiến hành truy tìm tang vật về phát mãi thanh toán cho ngân hàng; đề nghị quý tòa yêu cầu cơ quan cảnh sát điều tra sớm điều tra, truy tố và xét xử để thu hồi tang vật về phát mãi thanh toán cho ngân hàng.

Tại phiên Tòa ngày hôm nay phía đại diện Ngân hàng Q có sự thay đổi yêu cầu khởi kiện, cụ thể yêu cầu ông L thanh toán khoản nợ tính đến ngày 27/02/2026 như sau: Nợ gốc là 953.707.000 đồng, nợ lãi trong hạn là 39.233.567 đồng, nợ lãi quá hạn là 356.243.446 đồng, phí thẻ là 30.082.780 đồng. Tổng cộng: 1.379.266.793 đồng, trường hợp ông L thanh toán dứt nợ thì phía Ngân hàng Q hoàn trả toàn bộ bản chính hồ sơ thế chấp là chiếc xe ô tô nhãn hiệu Ford, số loại Ranger, màu sơn trắng, biển kiểm soát 51D-944.61, giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 50001042 do Công an huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 27/12/2023.

Bị đơn ông L vắng mặt tại phiên Tòa mà cũng không có thêm văn bản thể hiện ý kiến gì mặc dù Tòa án đã tống đạt, niêm yết đầy đủ các thủ tục tố tụng như: Thông báo hòa giải và kiểm tra giao nộp công khai chứng cứ; kết quả của việc kiểm tra giao nộp công khai chứng cứ; Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Quyết định hoãn phiên tòa khi trước đó ông L vẫn đến Tòa để nhận Thông báo thụ lý vụ án và làm bản khai.

Luật sư Nguyễn Kiếm K, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn ông Nguyễn Văn L vắng mặt tại phiên Tòa mặc dù Tòa án tống đạt, niêm yết đầy đủ các thủ tục tố tụng như: Thông báo hòa giải và kiểm tra giao nộp công khai chứng cứ; kết quả của việc kiểm tra giao nộp công khai chứng cứ; Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Quyết định hoãn phiên tòa. Ngoài ra trong hồ sơ vụ án còn thể hiện luật sư cũng đã trực tiếp ký nhận một trong số các văn bản nói trên nhưng vẫn không có mặt và cũng không có ý kiến gì; tất cả các đương sự khẳng định đã cung cấp đầy đủ chứng cứ cho việc giải quyết vụ án, ngoài những tài liệu, chứng cứ đã nộp tại hồ sơ, không còn tài liệu, chứng cứ nào khác.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 8 – Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa phát biểu về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án

và phát biểu ý kiến về hướng giải quyết vụ án. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP Q.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử sơ thẩm Tòa án nhân dân khu vực 8 – Thành phố Hồ Chí Minh nhận định:

[1] Xét đơn khởi kiện của Ngân hàng Q thì đây là tranh chấp dân sự về hợp đồng tín dụng, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 8 – Thành phố Hồ Chí Minh căn cứ vào các Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 36 Bộ Luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Tòa án đã tiến hành tống đạt, niêm yết qua Thừa phát lại đối với bị đơn ông Nguyễn Văn L và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn là Luật sư Nguyễn Kiếm K các thủ tục tố tụng như: Thông báo hòa giải và kiểm tra giao nộp công khai chứng cứ; kết quả của việc kiểm tra giao nộp công khai chứng cứ; Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Quyết định hoãn phiên tòa nhưng vẫn không có mặt tại phiên Tòa. Hội đồng xét xử xét thấy đây là lần xét xử lần 2 mà vẫn vắng mặt, do đó Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt đối với bị đơn ông Nguyễn Văn L và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn là Luật sư Nguyễn Kiếm K theo quy định tại Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Theo đó, Ngân hàng Q và ông Nguyễn Văn L có ký kết Hợp đồng tín dụng số 1246803.23 ngày 22/12/2023: Số tiền giải ngân: 888.000.000 đồng, mục đích giải ngân là vay mua xe Ford Ranger, biển số 51D-944.61 để tiêu dùng, thời hạn vay là 72 tháng kể từ ngày 28/12/2023 đến ngày 27/12/2029. Lãi suất tại thời điểm giải ngân là 10%/năm. Đây là lãi suất ưu đãi và chỉ được áp dụng trong 12 tháng đầu tiên kể từ ngày giải ngân khoản tín dụng. Hết thời hạn ưu đãi, lãi suất sẽ được điều chỉnh 3 tháng một lần, bằng lãi suất cơ sở theo từng sản phẩm trong kỳ tại từng thời điểm, cộng biên độ 3,9%/năm, không thời gian ân hạn, trả hàng tháng vào ngày 30, số tiền mỗi kỳ là 12.333.000 đồng, kỳ cuối cùng thanh toán số tiền còn lại, kỳ trả nợ đầu tiên là ngày 30/01/2024, trả phí theo quy định của Ngân hàng Q từng thời kỳ, lãi quá hạn bằng 150% lãi trong hạn.

Ngày 27/12/2023, Ngân hàng Q đã giải ngân cho ông Nguyễn Văn L theo đơn đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số 4892730.23 ký ngày 27/12/2023 với số tiền 888.000.000 đồng đúng theo yêu cầu của khách hàng và phù hợp với hợp đồng tín dụng.

Căn cứ đề nghị phát hành thẻ ngày 27/12/2023, Ngân hàng Q đồng ý cấp thẻ tín dụng cho ông Nguyễn Văn L, chi tiết như sau: Số thẻ 513892*****5713, hạn mức 80.000.000 đồng chuyển vào tài khoản của ông L số C700004238731, lãi suất và phí theo bản thỏa thuận về điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng Q.

Khoản vay có tài sản thế chấp là xe ô tô nhãn hiệu Ford, số loại Ranger, màu sơn trắng, biển kiểm soát 51D-944.61, giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 50001042 do Công an huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 27/12/2023. Tài sản này được thế

chấp tại Ngân hàng Q theo hợp đồng thế chấp phương tiện vận tải số 4001989.23 ngày 22/12/2023.

[4] Quá trình thực hiện hợp đồng vay ông L đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán cho phía Ngân hàng Q. Tính đến ngày 27/02/2026 ông L còn nợ số tiền như sau: Nợ gốc là 953.707.000 đồng, nợ lãi trong hạn là 39.233.567 đồng, nợ lãi quá hạn là 356.243.446 đồng, phí thẻ là 30.082.780 đồng. Tổng cộng: 1.379.266.793 đồng. Tuy nhiên, phía Ngân hàng Q không có yêu cầu phát mãi tài sản đảm bảo để thu hồi nợ, Hội đồng xét xử xét thấy, đây là sự tự nguyện định đoạt của Ngân hàng Q không trái quy định của pháp luật nghĩ nên chấp nhận.

[5] Do ông L vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên Ngân hàng Q căn cứ vào các hợp đồng yêu cầu ông L thanh toán số tiền nói trên và yêu cầu trả một lần ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật. Ngân hàng Q và ông L không có tranh chấp về nội dung của hợp đồng tín dụng mà hai bên đã ký nêu trên nên căn cứ vào các Điều 92, 93 của Bộ Luật Tố tụng dân sự năm 2015 nên Hội đồng xét xử công nhận sự việc trên là có thật.

[6] Như vậy, ông L không thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng Q theo hợp đồng là ông L đã làm thiệt hại đến quyền lợi của Ngân hàng Q, nên yêu cầu đòi nợ của Ngân hàng Q có ông Phạm Xuân T đại diện đối với ông Nguyễn Văn L là có cơ sở để Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận.

[7] Việc ông L cho rằng ông bị những người khác có liên quan và có hành vi gian dối để lừa ông đứng vay Ngân hàng để mua xe ô tô mà ông không biết. Hội đồng xét xử xét thấy đây là tranh chấp hợp đồng tín dụng giữa ông L và Ngân hàng Q để vay tiền mua xe. Việc ông đưa xe cho một người khác và giữa ông với những người khác có bất cứ giao dịch nào mà ông cho rằng quyền lợi của ông bị ảnh hưởng thì ông L có quyền khởi kiện những người đó bằng một vụ án khác nhằm bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông L.

[8] Ông Nguyễn Văn L còn phải chịu tiền lãi trên số nợ vay chưa thi hành theo mức lãi suất đã thoả thuận tại hợp đồng kể từ ngày xét xử cho đến khi thi hành án xong.

[9] Án phí dân sự sơ thẩm: Ông Nguyễn Văn L phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào các Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 36; khoản 2 Điều 92; Điều 93; khoản 1, 2 Điều 227; Điều 228 và Điều 232 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào các Điều 91 và Điều 95 của Luật các tổ chức tín dụng;

- Căn cứ Luật Thi hành án dân sự;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Toà án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của Ngân hàng Q có ông Phạm Xuân T đại diện theo ủy quyền về việc yêu cầu ông Nguyễn Văn L hoàn trả tiền vay.

2. Buộc ông Nguyễn Văn L có trách nhiệm trả cho Ngân hàng TMCP Q, cụ thể: Nợ gốc là 953.707.000 (*Chín trăm năm mươi ba triệu bảy trăm lẻ bảy ngàn*) đồng, nợ lãi trong hạn là 39.233.567 (*Ba mươi chín triệu hai trăm ba mươi ba ngàn năm trăm sáu mươi bảy*) đồng, nợ lãi quá hạn là 356.243.446 (*Ba trăm năm mươi sáu triệu hai trăm bốn mươi ba ngàn bốn trăm bốn mươi sáu*) đồng, phí thẻ là 30.082.780 (*Ba mươi triệu không trăm tám mươi hai ngàn bảy trăm tám mươi*) đồng. Tổng cộng: 1.379.266.793 (*Một tỉ ba trăm bảy mươi chín triệu hai trăm sáu mươi sáu ngàn bảy trăm chín mươi ba*) đồng. Thi hành l lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật thực hiện tại Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Ngoài ra ông L còn phải tiếp tục chịu tiền lãi trên số nợ vay chưa thi hành theo mức lãi suất đã thoả thuận tại các hợp đồng số: Hợp đồng tín dụng số 1246803.23 ngày 22/12/2023 và Số thẻ 513892*****5713 ngày 27/12/2023 kể từ ngày xét xử cho đến khi thi hành án xong.

Trường hợp sau khi ông Nguyễn Văn L trả hết các khoản tiền còn nợ thì Ngân hàng TMCP Q có nghĩa vụ hoàn trả cho ông Nguyễn Văn L bản chính các giấy tờ liên quan đối với xe ô tô nhãn hiệu Ford, số loại Ranger, màu sơn trắng, biển kiểm soát 51D-944.61, giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 50001042 do Công an huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 27/12/2023.

3. Án phí dân sự sơ thẩm: Ông Nguyễn Văn L phải chịu 53.378.004 (*Năm mươi ba triệu ba trăm bảy mươi tám ngàn không trăm lẻ bốn*) đồng án phí dân sự sơ thẩm. Ngân hàng TMCP Q không phải chịu án phí. H1 lại cho Ngân hàng TMCP Q số tiền đã nộp 22.594.171 (*Hai mươi triệu năm trăm chín mươi bốn ngàn một trăm bảy mươi mốt*) đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền số 0047771 ngày 18/12/2024 của Chi cục T4 hành án dân sự huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 8 – Thành phố Hồ Chí Minh).

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Án xử công khai, đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tòa tuyên án, đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết, tống đạt hợp lệ bản án.

Nơi nhận:
- TAND Thành phố Hồ Chí Minh;
- VKSND khu vực 8 –
Thành phố Hồ Chí Minh;
- Phòng THADS khu vực 8 –
Thành phố Hồ Chí Minh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TAND KHU VỰC 8

ZC2270226.TL.QDBA
1931

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Văn Thống